DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG

LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS

(Kèm theo Quyết định số: 897.2022/QĐ-VPCNCL ngày 17 tháng 11 năm 2022

của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm/ **Phòng Kỹ thuật - An toàn**

Laboratory: ***Technical and Safety Department***

Cơ quan chủ quản/ **Công ty Cổ phần Phát triển công nghệ và thiết bị mỏ**

Organization: ***Development of mining technology and equipment joint stock company***

Lĩnh vực/ **Điện – Điện tử**

Field: ***Electrical – Electronic***

Người quản lý/ *Laboratory manager:* **Phùng Thu**

Người có thẩm quyền ký/ A*pproved signatory*:

TT/ *No*	Họ và tên/ *Name*	Phạm vi được ký / *Scope*
1.	**Phạm Quang Hường**	Các phép thử được công nhận/ *All accredited tests*
2.	**Phùng Thu**	
3.	**Nguyễn Tuấn Đức**	
4.	**Vũ Quang Thắng**	
5.	**Trịnh Hải Trường**	
6.	**Bùi Anh Bình**	

Số hiệu/ *Code*: **VILAS 534**

Hiệu lực/ *Validation*: **08/ 09/ 2024**

Địa chỉ/ *Address*: **Số 3 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội**

Địa điểm/ *Location*: **Phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh**

Điện thoại/ Tel.: **0243 8 647871** Fax.: **0243 6 641487**

E-mail: **phongtnhcdien@gmail.com** Website: **cpctm.com.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG

LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS

VILAS 534

Lĩnh vực thử nghiệm: **Điện – Điện tử**

Field of testing: Electrical – Electronic

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or products tested*	Tên phép thử cụ thể *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/ Range of measurement*	Phương pháp thử *Test methods*
1.	**Máy biến áp điện lực (x)** ***Powertrans former***	Kiểm tra thao tác chuyển mạch của bộ điều áp dưới tải *Switch opearation on load tap changer check*	---	TCVN 6306-1:2015 QCVN QTĐ5:2009/BCT (Điều/*Article* 27, 65)
2.	**Máy điện quay (x)** ***Rotating electrical machines***	Đo điện trở cách điện *Measurement of insulation resistance*	0,1 MΩ/ (100 kΩ ~ 400 GΩ)	QCVN QTĐ5:2009/BCT (Điều/*Article* 79) IEC 60034-27-4:2018 IEEE 43-2013
3.		Đo điện trở một chiều các cuộn dây *Measurement of direct – current windings resistance*	0,1 μΩ/ (1 mΩ ~ 2 kΩ)	TCVN 6627-1:2014 (IEC 60034-1:2010) IEEE 62.2-2004
4.	**Dầu cách điện** ***Insulation oil***	Đo tổn thất điện môi tanδ *Measurement of dielectric loss tanδ*	0,00002/ (0,00001 ~ 10)	IEC 60247:2004

Ghi chú/ *Note*:

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam/ *Viet Nam National standards;*
- QCVN QTĐ-5:2009/BCT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện/ *National Technical Codes for Testing, Acceptance Test for Power Facility;*
- IEEE: Hội Kỹ sư Điện và Điện tử/ *Institute of Electrical and Electronics Engineers*
- IEC: Uỷ ban Kỹ thuật Điện Quốc tế/ *International Electrotechnical Commission;*
- (x): Phép thử được thực hiện tại hiện trường/ *Tests are conducted on- site./.*